在ベトナム日本国大使館

査証申請書の各記載事項について

【留意事項】

- 全ての項目について、記入漏れがないよう、また正確に記載して下さい。事実と異なる記載を行った場合、虚偽申請と見なされることがあります。
- チェック欄の項目は、必ずいずれかを選択して下さい。

【各項目について】

1. **氏名**

   旅券記載のとおりに記載（旅券上の名前以外に他の名前があれば、それも記載。）

2. **生年月日・出生地**

   出生地は、市（直轄行政市は区）、省（直轄行政市は市）、国を記載。

   （例１：バーディン区ハノイ市ベトナム、例２：フンエン市フンエン省ベトナム）

3. **性別、婚姻歴**

   婚姻歴は、独身、既婚、未亡人、離婚をチェック。

4. **国籍**
5. **ID 番号**
6. **旅券種別・旅券番号**

   外交、公用、普通、その他

7. **旅券の発給地・発給年月日**
8. **旅券の発行機関・失効年月日**
9. **入国目的**
10. **日本での滞在予定期間**
11. **日本到着日**
12. **日本の入国港**
13. **日本での滞在場所と住所と電話番号**

    滞在予定のホテル名、関係者名、住所及び電話番号を記載。電話番号は市外局番から記載。

14. **過去の日本滞在歴**

過去に日本に滞在したことがあれば、その期間（例：○年○月○日から○年○月○日で、○日間）を記載。なければ「なし」と明記し、空欄としない。

15. **申請人の現住所・電話・携帯電話・EMAIL**

漏れがないよう全て記載。住所は詳細に、電話番号は市外局番から記載。

16. **申請人の現在の職業**

17. **申請人の雇用所属先の名前・住所・電話番号**

18. **パートナーの職業**（または、申請人が未成年の場合、両親の職業）

19. **日本での保証人の氏名・住所・電話番号・生年月日・性別・申請人との関係・職業・国籍**

20. **日本での招へい人の氏名・住所・電話番号・生年月日・性別・申請人との関係・職業・国籍**

１９の保証人と同じであれば、「上に同じ」（＝same as above）と記載。

21. **備考欄　特別な事情があれば記載。**

22. **これまでの犯罪歴等の記載**

上から順次６項目について有無を漏れなくチェック。

●国内外で、犯罪により有罪判決を受けたことがあるか。

●１年以上拘禁・服役したことがあるか。

●オーバーステイやその他違反により強制送還されたことはあるか。

●薬物違反により有罪判決を受けたことがあるか。

●売春、売春の仲介、勧誘等の仕事に関与したことがあるか。

●人身売買に関与したことがあるか。

23. **申請日・申請人本人の署名**

必ず申請人本人が署名する（未成年・子供を除く。）。

（注意）申請人の名前を、第三者が記載したものは署名とは認めないので注意すること（第三者の偽装署名と判明した場合は、申請人の不利益に繋がる可能性がある。）。乳幼児等本人が署名できない場合、親（法定代理人）が代わりに署名し、また申請人本人との関係を明記する。

24. **写真**

サイズは４５㎜×３５㎜。６か月以内に撮影し、顔が明確なもの。

写真の裏に申請人名を記載して、のりで貼付する。ホチキス留めは不可。

汚損、破損等により顔が不鮮明なものは不可。

VISA APPLICATION FORM TO ENTER JAPAN

24

(Paste photo here)

写真は６か月以内に撮影し、顔が明確なもの。写真の裏に申請人名を記載して、のりで貼付。
Ảnh chụp trong vòng 6 tháng, nhìn rõ mặt. Dán bằng hồ dán.

1 Surname (as shown in passport) NGUYEN

Given and middle names (as shown in passport) THI NGUYEN

Other names (including any other names you are or have been known by)

2 Date of birth 01/11/1985 (Day)/(Month)/(Year) Place of birth HA NOI (City) (State or Province) VIET NAM (Country)

3 Sex: Male ☐ Female ☒ Marital status: Single ☐ Married ☒ Widowed ☐ Divorced ☐

4 Nationality or citizenship VIET NAM

Former and/or other nationalities or citizenships

5 ID No. issued to you by your government 123456789

6 Passport type: Diplomatic ☐ Official ☐ Ordinary ☒ Other ☐ Passport No. A1234567

7 Place of issue HA NOI CITY Date of issue 01/01/2018 (Day)/(Month)/(Year)

8 Issuing authority IMMIGRATION DEPARTMENT Date of expiry 01/01/2028 (Day)/(Month)/(Year)

9 Purpose of visit to Japan SIGHTSEEING

10 Intended length of stay in Japan 7 DAYS

入国目的・滞在予定期間も忘れずに記入
Ghi rõ mục đích nhập cảnh, thời gian lưu trú.

11 Date of arrival in Japan 01/12/2018

12 Port of entry into Japan NARITA Name of ship or airline VA001

13 Names and addresses of hotels or persons with whom applicant intends to stay

Name HOTEL FUJIYAMA Tel. 03-3580-1111

Address 1-1 KASUMIGASEKI, CHIYODA-KU, TOKYO

14 Dates and duration of previous stays in Japan 01~06/04/2018 : 6DAYS

15 Your current residential address (if you have more than one address, please list them all)

Address 27, LIEU GIAI ST, BA DINH DISTRICT, HA NOI CITY, VIET NAM

Tel. 04 1234 5678 Mobile No. 090 1234 567

E-Mail ******@gmail.com

16 Current profession or occupation and position COMPANY EMPLOYEE, DIRECTOR

17 Name and address of employer

Name JAPAN TRADE CO., LTD Tel. 04 2345 6789

Address 27A, LIEU GIAI ST, BA DINH DISTRICT, HA NOI CITY, VIET NAM

- 全ての項目について、記入漏れがないよう、また、正確に記載して下さい。
- チェック欄の項目は、必ずいずれかを選択し、チェックを入れて下さい。

+ Điền đầy đủ, chính xác vào tất cả các mục, không được bỏ sót mục nào.
+ Đối với mục cần điền vào ô trống thì hãy chọn và đánh dấu vào ô thích hợp.

18 *Partner's profession/occupation (or that of parents, if applicant is a minor): _____

19 Guarantor or reference in Japan (Please provide details of the guarantor or the person to be visited in Japan)

Name SHOTARO GAIMU Tel. 0312346789

Address 1-2 KASUMIGASEKI, CHIYODA-KU, TOKYO

Date of birth 01/12/1980 (Day)/(Month)/(Year) Sex: Male ☒ Female ☐

Relationship to applicant FRIEND

Profession or occupation and position COMPANY EMPLOYEE, DIRECTOR

Nationality and immigration status JAPANESE

20 Inviter in Japan (Please write 'same as above' if the inviting person and the guarantor are the same)

Name SAME AS ABOVE Tel. SAME AS ABOVE

Address SAME AS ABOVE

Date of birth 01/12/1980 (Day)/(Month)/(Year) Sex: Male ☒ Female ☐

Relationship to applicant SAME AS ABOVE

Profession or occupation and position SAME AS ABOVE

Nationality and immigration status SAME AS ABOVE

忘れずにチェックして下さい。
Nhớ điền đầy đủ vào ô trống

21 *Remarks/Special circumstances, if any _____

22 Have you ever:

- been convicted of a crime or offence in any country? Yes ☐ No ☒
- been sentenced to imprisonment for 1 year or more in any country?** Yes ☐ No ☒
- been deported or removed from Japan or any country for overstaying your visa or violating any law or regulation? Yes ☐ No ☒
- ※ been convicted and sentenced for a drug offence in any country in violation of law concerning narcotics, marijuana, opium, stimulants or psychotropic substances?** Yes ☐ No ☒
- engaged in prostitution, or in the intermediation or solicitation of a prostitute for other persons, or in the provision of a place for prostitution, or any other activity directly connected to prostitution? Yes ☐ No ☒
- committed trafficking in persons or incited or aided another to commit such an offence? Yes ☐ No ☒

** Please tick "Yes" if you have received any sentence, even if the sentence was suspended.

If you answered "Yes" to any of the above questions, please provide relevant details.

乳幼児等本人が署名できない場合、親（法定代理人）が代わりに署名し、また申請人本人との関係を明記して下さい。Trường hợp là trẻ em chưa biết viết thì bố / mẹ (Người đại diện pháp luật) ký thay, sau đó ghi rõ mối quan hệ với người xin cấp visa.

"I hereby declare that the statement given above is true and correct. I understand that immigration status and period of stay to be granted are decided by the Japanese immigration authorities upon my arrival. I understand that possession of a visa does not entitl[illegible] port of entry if he or she is found inadmissible."
"I her[illegible]al information (by an accredited travel agent, within its capacity of representing my vi[illegible]onsulate-general and (entrust the agent with) the payment of my visa fee to the Japanese embassy/consulate-general, when such payment is necessary."

日付も忘れず記載。
Ghi rõ ngày tháng năm nộp hồ sơ

申請人本人の署名
Chữ ký của chính chủ người xin cấp visa

23 Date of application 01/10/2018 (Day)/(Month)/(Year) Signature of applicant _____

※ * It is not mandatory to complete these items.

Any personal information gathered in this application as well as additional information submitted for the visa application

上から順次チェック ●犯罪による有罪判決 ●１年以上の拘禁・懲役 ● オーバーステイその他法違反による強制送還 ●薬物違反による有罪判決 ●売春の関与 ●人身売買の関与
Điền theo thứ tự từ trên xuống:
+ Từng bị phán quyết có tội do phạm pháp hay không? + Bị tù, giam giữ từ 1 năm trở lên + Từng bị trục xuất vì lưu trú bất hợp pháp hay vì vi phạm pháp luật không? + Từng bị phán quyết có tội do vi phạm về ma túy hay không? + Có liên quan đến mại dâm không? + Có liên quan đến buôn bán người không?